TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1154/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 23 tháng 09 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I – HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/9/2026 ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1045/2026/TLST-HNGĐ ngày 14/09/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung" giữa người yêu cầu:

1- Anh Nguyễn Minh T, sinh ngày 1x/1x/19xx; Căn cước số 00109800xxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 1x/1x/20xx; HKTT và nơi ở: Số 1x đường N, phường C, thành phố Hà Nội.

2- Chị Phan Thị Mỹ N, sinh ngày 0x/xx/19xx; Căn cước số 04219301xxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày ngày 1x/0x/20xx; HKTT: Thôn TB, xã TD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã ĐT, tỉnh Hà Tĩnh). Nơi ở: Ngõ 2xx đường B, phường Hai Bà T, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị Mỹ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 3x/0x/20xx tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội).

[2]. Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không phù hợp, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 1x/0x/2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị Mỹ N có hai con chung là có hai con chung là hai con chung là Nguyễn Tú L – sinh ngày 0x/1x/20xx và Nguyễn Gia B – sinh ngày 2x/1x/20xx. Vợ chồng thỏa thuận khi ly hôn anh T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tú L, chị N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia B cho đến khi con chung trưởng thành. Cả hai

không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi của pháp luật.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị Mỹ N không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị Mỹ N xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: Anh Nguyễn Minh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị Mỹ N.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tú L – sinh ngày 0x/1x/20xx cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Gia B – sinh ngày 2x/1x/20xx cho chị Phan Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung cho anh T và chị N cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản và nhà ở chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Minh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí LHST, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0005xxx ngày 1x/0x/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán

Nguyễn Đình T